

De o'tte.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017) kiêm Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Nguyễn Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Lê Duy Dương	Thành viên
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị,



Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Số: 248 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		118.928.451.671	100.738.405.509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	27.213.115.314	44.638.058.202
1. Tiền	111		3.313.115.314	1.738.058.202
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.900.000.000	42.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.000.000.000	29.715.528.893
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	29.715.528.893
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.242.673.852	24.033.121.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.369.443.542	23.766.614.466
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	29.160.587.859	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	34.838.828.501	707.166.281
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.126.186.050)	(440.659.103)
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.195.285.839	2.124.206.143
1. Hàng tồn kho	141		2.195.285.839	2.124.206.143
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		277.376.666	227.490.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	259.081.687	209.195.648
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	18.294.979	18.294.979
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144.111.385.942	160.213.505.789
I. Tài sản cố định	220		128.927.566.943	143.673.944.787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	128.604.279.643	143.311.071.287
- Nguyên giá	222		405.182.983.145	404.875.496.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(276.578.703.502)	(261.564.425.163)
2. Tài sản cố định vô hình	227		323.287.300	362.873.500
- Nguyên giá	228		395.862.000	395.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.574.700)	(32.988.500)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		219.970.267	1.803.355.550
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		219.970.267	1.803.355.550
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	4.860.000.000	4.860.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.860.000.000	4.860.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.103.848.732	9.876.205.452
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.103.848.732	9.876.205.452
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		263.039.837.613	260.951.911.298

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.964.585.687	25.857.591.819
I. Nợ ngắn hạn	310		38.964.585.687	25.857.591.819
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.340.691.150	2.956.043.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		725.970.216	461.572.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.290.558.464	2.455.780.364
4. Phải trả người lao động	314		7.641.795.387	13.590.556.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	2.750.795.783	2.500.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	20.432.657.382	3.893.639.223
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.782.117.305	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.075.251.926	235.094.319.479
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	224.075.251.926	235.094.319.479
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.903.251.926	19.922.319.479
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		159.059.330	56.691.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.744.192.596	19.865.627.660
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		263.039.837.613	260.951.911.298

Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng



Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	19	77.951.255.516	82.100.964.627
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		77.951.255.516	82.100.964.627
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	20	61.206.018.597	65.310.998.123
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.745.236.919	16.789.966.504
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.574.182.881	1.280.461.332
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	8.259.415.852	8.173.516.262
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-26))	30		10.060.003.948	9.896.911.574
9. Thu nhập khác	31	22	865.126.635	1.529.567.452
10. Chi phí khác	32		130.857.913	76.021.402
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		734.268.722	1.453.546.050
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.794.272.670	11.350.457.624
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	2.050.080.074	2.272.637.411
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.744.192.596	9.077.820.213
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	319	353



Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng



Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.794.272.670	11.350.457.624
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.053.864.539	15.589.180.350
Các khoản dự phòng	03	685.526.947	225.936.734
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.574.182.881)	(2.392.569.076)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.959.481.275	24.773.005.632
Thay đổi các khoản phải thu	09	(31.949.677.413)	(2.977.646.880)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(71.079.696)	209.013.560
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.347.692.411)	(6.422.637.450)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(277.529.319)	(411.747.286)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.108.640.308)	(2.524.906.862)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.100.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.133.650.000)	(3.433.211.290)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.928.787.872)	9.219.969.424
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(29.710.783.457)	(12.549.425.377)
2. Tiền chi cho đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23	(13.000.000.000)	(15.144.365.879)
3. Tiền thu từ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24	39.715.528.893	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(2.574.196.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	2.557.594.794
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.499.099.548	1.280.461.332
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.496.155.016)	(26.429.931.130)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(17.424.942.888)	(17.209.961.706)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	44.638.058.202	45.082.321.523
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	27.213.115.314	27.872.359.817


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng


Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19/3/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 215.172.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 497 (31 tháng 12 năm 2016: 504).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hoá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An, Việt Nam	36	36	Cung cấp dịch vụ lai dắt và dịch vụ hàng hải

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Nhật Việt	3.763.442.699	4.015.689.444
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển GL (trước đây là Công ty Cổ phần thương mại và vận tải biển Đại Tây Dương)	3.445.049.611	2.887.850.280
Công ty Cổ phần Xi măng sông Lam	3.293.658.731	252.986.042
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An	1.506.642.884	1.506.642.884
Công ty Cổ Phần Vận Tải 1 TRACO	887.997.495	2.864.714.340
Các khách hàng khác	10.472.652.122	12.238.731.476
	23.369.443.542	23.766.614.466

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Thiết bị Công nghệ MIPEC	25.423.500.000	-
Công ty Cổ phần Unico Vina	3.020.490.000	-
Các nhà cung cấp khác	716.597.859	-
	29.160.587.859	-

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng	177.861.252	76.361.252
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	75.083.333	231.844.444
Phải thu bàn giao dự án xây dựng bến số 5 và số 6 Cảng Cửa Lò (i)	1.803.355.550	-
Chi phí khắc phục sự cố (ii)	374.344.489	-
Phải thu khác	1.408.183.877	398.960.585
Cầm cố, thế chấp (iii)	31.000.000.000	-
	34.838.828.501	707.166.281

- (i) Phản ánh chi phí đầu tư dự án Xây dựng bến số 5 và số 6. Dự án đã được chuyển giao cho chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (cổ đông lớn của Công ty) theo Văn bản số 7591/UBND-GT ngày 13 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về đồng ý chủ trương cho Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Lò đầu tư, Biên bản thỏa thuận bàn giao dự án đầu tư xây dựng bến số 5 và bến số 6 thuộc cảng Cửa Lò giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Lò ngày 12 tháng 11 năm 2016. Thực hiện theo văn bản và thỏa thuận này, đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty thực hiện bàn giao hồ sơ của Dự án nêu trên cho Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Lò (là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc). Theo đó, Công ty đã thực hiện hạch toán giảm chi phí đầu tư và tăng khoản phải thu khác với số tiền tương ứng là 1.803.355.550 đồng.

- (ii) Phản ánh số tiền dự kiến được bồi thường từ Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội liên quan tới sự cố gãy cần cầu chân đế số 1 Xí nghiệp xây dựng Cửa Lò theo Công văn số 1027/2017/CV-BSH-QLNV II ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc phương án giải quyết tổn thất cần trục của Công ty tại Cảng Cửa Lò.
- (iii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Vinh (trước ngày 01/01/2017, tên cũ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương – CN Trung Đô) đã được cầm cố cho hợp đồng cấp bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.877.738.317	-	1.872.683.120	-
Công cụ, dụng cụ	317.547.522	-	251.523.023	-
Cộng	2.195.285.839	-	2.124.206.143	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ, chi phí trả trước ngắn hạn	259.081.687	209.195.648
	259.081.687	209.195.648
a) Dài hạn		
Chi phí tư vấn và nạo vét vũng đậu tàu	7.634.000.119	8.062.074.889
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.469.848.613	1.814.130.563
	10.103.848.732	9.876.205.452

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên kết (i)				
Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
Cộng	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-

- (i) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với tỷ lệ sở hữu 36% tương đương số tiền 4.860.000.000 VND thông qua ba hình thức góp vốn bằng tiền mặt, hàng hóa và tài sản theo Giấy chứng nhận phần vốn góp ngày 23 tháng 5 năm 2016. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là kinh doanh dịch vụ lai đất hỗ trợ tàu biển ra vào Cảng Cửa Lò.

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên kết trong kỳ:

6 tháng đầu năm 2017

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò

Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 26.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ toán theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp/Bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Các loại thuế khác	18.294.979	181.258.395	181.258.395	18.294.979
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	18.294.979	181.258.395	181.258.395	18.294.979
Cộng	18.294.979	181.258.395	181.258.395	18.294.979
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.044.745.332	7.443.723.689	7.570.718.010	917.751.011
<i>- Thuế GTGT đầu ra</i>	1.044.745.332	7.443.723.689	7.570.718.010	917.751.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.411.035.032	2.050.080.074	2.108.640.308	1.352.474.798
Các loại thuế khác	-	1.026.121.000	1.026.121.000	-
<i>- Thuế khác</i>	-	1.026.121.000	1.026.121.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	74.194.776	53.862.121	20.332.655
<i>- Các khoản phí, lệ phí</i>	-	74.194.776	53.862.121	20.332.655
Cộng	2.455.780.364	10.594.119.539	10.759.341.439	2.290.558.464

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	2.375.365.300	2.559.671.400
Công ty TNHH Vật tư, thiết bị Công nghiệp và dịch vụ Khavico	413.500.000	-
Các đối tượng khác	551.825.850	396.371.730
	3.340.691.150	2.956.043.130

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá	2.500.000.000	2.500.000.000
Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép	250.795.783	-
	<u>2.750.795.783</u>	<u>2.500.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn		Thiết bị văn phòng		Khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	294.332.941.357	11.919.535.314	94.174.297.295	272.690.909	4.176.031.575	404.875.496.450					
Mua sắm mới	-	-	168.181.818	109.090.909	30.213.968	307.486.695					
Số dư cuối kỳ	294.332.941.357	11.919.535.314	94.342.479.113	381.781.818	4.206.245.543	405.182.983.145					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu kỳ	192.457.661.983	8.696.379.864	57.146.358.633	169.299.244	3.094.725.439	261.564.425.163					
Trích khấu hao trong kỳ	9.374.156.083	645.696.123	4.627.928.303	17.526.678	348.971.152	15.014.278.339					
Số dư cuối kỳ	201.831.818.066	9.342.075.987	61.774.286.936	186.825.922	3.443.696.591	276.578.703.502					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày cuối kỳ	92.501.123.291	2.577.459.327	32.568.192.177	194.955.896	762.548.952	128.604.279.643					
Tại ngày đầu kỳ	101.875.279.374	3.223.155.450	37.027.938.662	103.391.665	1.081.306.136	143.311.071.287					

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị: 13.270.810.583 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.953.966.531 VND).

Trong kỳ, một số phương tiện tài và thiết bị truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 16.864.330.741 VND được sử dụng để thế chấp cho việc phát hành bảo lãnh thanh toán cho Hợp đồng số 1601/2017/HĐMB ngày 16 tháng 01 năm 2017 của gói thầu Cung cấp 01 cần cầu bánh lốp 100 tấn thuộc Dự án đầu tư 01 cần cầu bánh lốp 100 tấn.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	434.059.887	114.361.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	18.730.494.000	1.947.078.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.268.103.495	1.832.200.223
	<u>20.432.657.382</u>	<u>3.893.639.223</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Cộng</u>
	<u>của chủ sở hữu</u>	<u>chưa phân phối</u>	<u>VND</u>
	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016			
Số dư đầu kỳ trước	215.172.000.000	12.723.872.728	227.895.872.728
Lợi nhuận trong kỳ	-	9.077.820.213	9.077.820.213
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.908.580.909)	(1.908.580.909)
Chi trả cổ tức	-	(10.758.600.000)	(10.758.600.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>215.172.000.000</u>	<u>9.134.512.032</u>	<u>224.306.512.032</u>
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017			
Số dư đầu kỳ này	215.172.000.000	19.922.319.479	235.094.319.479
Lợi nhuận trong kỳ	-	8.744.192.596	8.744.192.596
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(2.979.844.149)	(2.979.844.149)
Chi trả cổ tức (i)	-	(16.783.416.000)	(16.783.416.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>215.172.000.000</u>	<u>8.903.251.926</u>	<u>224.075.251.926</u>

- (i) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và công bố chi trả cổ tức 780 đồng trên mỗi cổ phiếu theo Nghị quyết số 02 -17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ Bốc xếp hàng hóa. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

19. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	69.424.998.969	75.999.624.489
Doanh thu dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	8.526.256.547	6.101.340.138
	<u>77.951.255.516</u>	<u>82.100.964.627</u>

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Giá vốn dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	54.095.071.737	58.160.019.378
Giá vốn dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	7.110.946.860	7.150.978.745
	<u>61.206.018.597</u>	<u>65.310.998.123</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.741.222.492	7.151.642.385
Chi phí nhân công	30.238.904.041	30.175.797.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.053.864.539	15.589.180.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.695.163.234	14.478.840.424
Chi phí khác bằng tiền	5.050.753.196	5.863.116.716
	<u>68.779.907.502</u>	<u>73.258.577.651</u>

22. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	1.112.107.744
Tiền phạt thu được	-	15.931.000
Thù lao của người đại diện vốn góp	236.618.181	-
Các khoản khác	628.508.454	401.528.708
	<u>865.126.635</u>	<u>1.529.567.452</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.561.419.181	3.202.287.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	366.417.126	426.387.211
Chi phí dự phòng	685.526.947	225.936.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	459.705.397	1.946.920.535
Chi phí bằng tiền khác	2.521.135.256	1.672.560.347
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	665.211.945	699.423.995
	8.259.415.852	8.173.516.262

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.794.272.670	11.350.457.624
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ thu nhập không chịu thuế	(619.665.400)	(57.594.794)
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	75.793.100	70.324.225
Thu nhập chịu thuế	10.250.400.370	11.363.187.055
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.050.080.074	2.272.637.411
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.050.080.074	2.272.637.411

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.744.192.596	9.077.820.213
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (i)	(1.872.000.000)	(1.489.922.075)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.872.192.596	7.587.898.138
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.517.200	21.517.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	319	353

- (i) Quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ được tính dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 02-17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017.

26. **NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lai dất và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết

Giao dịch với bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Lai dất và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò		
Mua hàng và dịch vụ	-	3.485.102.500
Bán hàng và dịch vụ	126.797.968	-
Góp vốn	-	4.860.000.000
Nhận cổ tức	619.665.400	-

Số dư với bên liên quan:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Lai dất và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	31.752.765	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	78.232.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	446.016.000	546.000.000


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng


Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017